MỘT SỐ TƯ LIỆU HÁN NÔM VỀ CÔNG GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI(*)

CHƯƠNG THÂU(**)

Trong chuyến đi sưu tầm tài liệu lịch sử Việt Nam tại Pháp và Italia vào mùa hè năm 1999, chúng tôi có dịp đến đọc ở một số Thư viện tại Paris (Pháp) và Roma (Italia) và phát hiện nhiều tư liệu có giá trị. Trong đó, tại Thư viện Quốc gia (cũ) 58 Rue de Richelieu, hiện còn tàng trữ nhiều "Hồ sơ lưu trữ về Đông Dương thuộc Pháp" chưa kịp chuyển về Thư viện Quốc gia (mới) mang tên François Mitterand ở bên bờ sông Seine. Ở đây, còn lưu giữ một cuốn *Thư mục* (chữ viết tay mực xanh) mang tựa đề: "*Catalogue du fonds Vietnamien*" dày 170 tờ giấy khổ đôi (20x30cm), đóng bìa cứng.

Tập *Thư mục* này do Melle M.R.Seguy thực hiện năm 1953, trong thời gian cô chuẩn bị viết luận án Tiến sĩ về đề tài này(?) với sự giúp đỡ trực tiếp của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn. Nội dung thư mục gồm 3 phần:

- Phần A: Sách chữ Hán, có 107 tên sách mang kí hiệu từ A1 - A107, mà phần lớn đều khá quen thuộc với chúng ta và đã được thống kê phân loại trong bộ sách *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* (3 tập). Nxb KHXH, Hà Nội 1993.

- Phần C: Có các kí hiệu sách từ C1-C5 gồm 5 cuốn Từ điển, Từ vựng như *Từ điển Việt-Bồ-La* của A. de Rhodes, *Tư liệu Việt-La* của P. de Béhaine, *Tự điển La - Việt* của J. L. Taberd, v.v...

- Phần B: Sách chữ Nôm gồm 134 cuốn, có kí hiệu từ B1-B134. Trong đó từ B20-B134 tức mục 2B đa số là những truyện Nôm khuyết danh viết theo thể thơ lục bát hoặc văn vần như: *Lục súc tranh công, Hoàng Trừu, Tống Trân Cúc Hoa*, v.v... Còn lại 19 kí hiệu sách từ B1-B19 tức mục 1B là dành cho *chuyên mục* "*Sách Nôm Công giáo*", một "chủng loại" sách chữ Nôm viết tay ***khá đặc biệt*** mà lần đầu tiên chúng tôi được tiếp xúc và bước đầu có mấy nhận xét như sau:

1. *Sách Nôm Công giáo* ở mục 1B này, có một số tên sách không thấy các soạn giả của bộ sách *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu* (3 tập) ghi danh ở trong đó, kể cả ở phần *Phụ lục. Sách về Thiên Chúa giáo.*

---

*. Một phần của bài này đã được đăng ở Tạp chí *Nghiên cứu Hán Nôm* số 2 (47) - 2001.

**. PGS. TS. Viện Sử học.

2. Tại một *Ghi chú* ở cuối bản *Thư mục* này cho biết rằng, "những phiếu gốc của Giáo sư Hoàng Xuân Hãn soạn (giúp Thư viện Quốc gia Pháp) từ năm 1951 chứa trong hộp *Thư mục về Việt Nam*, đã được cô M.R.Séguy chép vào sổ năm 1953. Tìm đọc lại *Thư mục Hoàng Xuân Hãn* in trong bộ sách *La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn (1908-1996)* Tập 3. Nxb Giáo dục, Hà Nội 1998 trang 1395, chúng ta thấy: Từ năm 1953, sau khi tìm thấy trong thư khố ở Paris, những tài liệu chữ Nôm này, giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã kịp chọn ra 12 tác phẩm của Majorica trong số 19 tác phẩm Nôm viết về Công giáo Việt Nam, để viết một luận văn nghiên cứu rất công phu, nhan đề: *Girolamo Majorica, ses oeuvres en langue Vietnamienne conservées à la Bibliothèque Nationale de Paris.* In ở Đặc san *Archivium Historium societatis Jesu (Rome) - Tome XXII, 1953, tr 203-214.*

Từ "*ghi chú*" và bài "*khảo cứu*" trên, chúng ta có thể biết thêm thông tin về mảng "*thư mục đặc biệt*" này.

Tất cả 19 đầu sách chữ Nôm đã được người biên soạn khảo tả đầy đủ các yếu tố của "*thư mục học*", kể cả tóm tắt nội dung tác phẩm ở mục 1B của tập *Thư mục*, thứ tự tên sách như sau:

B1: Đức Chúa Jesu

B2: Truyện Đức Chúa Jesu

B3: Các Thánh truyện (Quyển Thượng)

B4: Thiên Chúa - Thánh giáo hối tội kinh.

B5: Thánh giáo yếu lí Quốc ngữ

B6: Thiên Chúa Thánh giáo khải mông

B7: Những kinh lễ mùa Phục sinh

B8: Sách Thánh

B9: Ngắm lễ trong mùa Phục sinh đến tháng Bảy

B10: Những điều ngắm trong các ngày lễ trọng

B11: Thiên Chúa Thánh mẫu (Quyển Thượng)

B12: Thiên Chúa Thánh mẫu (Quyển Trung)

B13: Các Thánh truyện

B14: Tháng Năm ba mươi lộc

B15: Truyện Thánh mẫu Elisabeth

B16: Truyện ông Thánh Ignace

B17: Sách ngắm

B18: Sách tôn đạo Thánh Chúa Vẫy (Chúa Blời)

B19: Chân đạo yếu lí.

12 trong số 19 tác phẩm này là của Giáo sĩ G. Majorica biên soạn và như đã nói, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã khảo cứu rất kĩ, ở đây khỏi phải nhắc lại. Tuy vậy, ở góc độ người nghiên cứu lịch sử và lịch sử văn hóa Việt Nam, chúng tôi xin bổ sung mấy ý kiến nhỏ sau đây:

1 - Girolamo Majorica (Italia), từng qua xứ Goa năm 1619, qua Macao năm 1623, rồi tới Đàng Trong của nước ta truyền đạo ở Faifo và ở lại đây 5 năm liền. Năm 1629, ông bị trục xuất khỏi xứ Đàng Trong. Năm

1631, ông lại theo tàu Bồ Đào Nha cập bến Đàng Ngoài, rồi sống tại đây cho đến năm 1656 và từ trần tại Thăng Long. Ông rất thông thạo tiếng Việt, là tác giả của hơn 30 tác phẩm Nôm Công giáo, viết dưới hình thức thuật truyện cho các thầy đồ Nho Việt Nam chép lại bằng chữ Nôm thế kỉ XVII. Hiện nay bản gốc các tác phẩm của ông còn giữ được tại Thư viện Quốc gia - Paris (và một số Thư viện ở phương Tây?) như đã kể trên, gồm khoảng 4.200 trang viết bằng bút mực nho trên giấy bản. Mỗi trang có từ 9-12 dòng, mỗi dòng trung bình từ 30 - 40 chữ Nôm. Các tác phẩm này có niên đại biên soạn từ năm 1634 - 1646. Cùng với nhiều hồ sơ, tài liệu, sách vở khác của Công giáo ở khu vực Đông Nam Á, các tác phẩm trên vốn là "tài sản" của Hội truyền giáo nước ngoài Paris (M.E.P), đáng lẽ ra phải lưu trữ tại Thư viện của M.E.P. ở 128 Rue de Bac nhưng hiện nay lại ở Thư viện Quốc gia. Đó là vì khi cuộc cách mạng tư sản Pháp nổ ra (1789-1892), các tài sản của các vương triều phong kiến, trong đó có cả động sản và bất động sản của Hội truyền giáo nước ngoài Paris (M.E.P.) đều bị chính quyền cách mạng tịch thu. Thế là sách báo của Thư viện M.E.P. đều chuyển về Thư viện Quốc gia, đến nay vẫn được bảo tồn tại đây.

2 - Chữ Nôm ở các tác phẩm của Majorica chính là thứ chữ mà nhân dân ta (các nhà Nho và các trí thức Công giáo) thời đó vẫn thường dùng, là thứ chữ Nôm gần với chữ Nôm nguyên thuỷ được chế tác từ thời Lý - Trần, nhất định có ít nhiều sai biệt so với chữ Nôm ở những thế kỉ sau, nhất là dưới triều Nguyễn, từ sau khi có những luật lệ húy kị các tên của Hoàng đế, Hoàng hậu... làm thay đổi không ít tự dạng của chữ Hán và chữ Nôm nguyên thủy. Cho nên, khi trực tiếp đọc các văn bản Nôm thế kỉ XVII, chúng ta sẽ có "sở cứ" tốt hơn để nghiên cứu lịch sử chữ Nôm.

3 - Một điều lí thú khác nữa là: những tác phẩm Nôm của Majorica đều thuộc thể văn xuôi nhằm phản ánh xã hội, tâm lí, văn hóa thời đại bấy giờ. Khi đọc chuyện kể về những vị Thánh của phương Tây và phương Đông trong *Truyện Các Thánh*, qua lối văn mang tính chất khẩu ngữ mộc mạc, kiểu chuyện kể dân gian (folklore) không kém phần hấp dẫn. Trong số hàng trăm nhân vật ở trong *Truyện Các Thánh*, mỗi truyện coi như một "đoản thiên tiểu thuyết" được miêu tả khá sinh động. Có nhiều truyện giống như *Truyện Đức Phật Thích Ca xuất hành từ bốn cửa thành*. Có truyện lại tương tự như *Truyện Phật Bà Quan Âm Thị Kính*, truyện gái giả trai sống chung một cách đứng đắn trong cộng đồng giới tu hành như *Truyện Thánh Théodore*, v.v...

4 - Quá trình những truyện Nôm của Majorica được xác lập văn bản từ thế kỉ XVII đã để lại cho chúng ta

những "văn liệu" chữ Nôm thật quý giá. Nó mang đầy đủ những nét "đặc trưng của chữ Nôm và văn xuôi Nôm" thời bấy giờ. Nó là những nguyên bản, là bản văn gốc đầu tiên. Nó không giống với "các tác phẩm thơ ca thuộc loại văn vần" như *Hồng Đức Quốc âm thi tập*, như thơ Nôm của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, v.v... mà "văn bản chữ Nôm" của chúng phần lớn mới được người đời sau xác lập lại từ thế kỉ XIX như *Nguyễn ức Trai tiên sinh di thảo* do Dương Bá Cung sưu tầm biên soạn năm 1868, v.v...

5 - Nhưng có lẽ điều quan trọng nhất là: chữ Nôm Công giáo ở 19 tác phẩm (có ghi ở Thư mục của Thư viện Quốc gia Paris) này là "những tác phẩm hoàn chỉnh" về Công giáo, lịch sử đạo Kitô được ghi lại *bằng chữ Nôm* tồn tại sớm nhất ở nước ta. Chữ Nôm chuyển tải "nội dung lịch sử, giáo lí, giáo luật của đạo Kitô" để cho công chúng (dĩ nhiên nhiều hơn là để cho những người theo Công giáo) Việt Nam đọc và để tuyên truyền quảng bá đạo Chúa. Nó là một phương tiện, một công cụ truyền giáo một cách khá đắc dụng ở thời bấy giờ. Chẳng hạn như ở trang đầu tiên của *Truyện cuộc đời Thánh F. Xavier* (do Majorica soạn) đã có ngay một "cột" chữ tóm tắt 9 dòng "nội dung", phiên âm như sau:

1. Ông Thánh Phan xi cô Xa vi ê truyện:

2. Đức Chúa Trời chẳng những dựng nên một mặt trời để mà soi sáng thiên hạ,

3. Cũng dựng lên nhiều mặt trời thiêng liêng, sáng láng hơn mặt trời ở trên trời nữa, để soi sáng cho linh hồn người ta.

4. Ấy, những đầy tớ đức Chúa Chi Thu (Jesu) là thập nhị tông đồ, cùng những kẻ bắt chước các Thánh ấy.

5. Ấy là mặt trời thật đi cả - vả(?) thiên hạ, phá hết những sự tối tăm trong linh hồn người ta;

6. Mà dạy dỗ những đường sáng láng, cho được lên Thiên đàng là chốn sáng vô cùng.

7. Đời vua trị nước Đại Minh tên là Gia Tĩnh, có một người Thánh tên là Phan xi cô Xa vi ê;

8. Sang bên Đông này, mở đạo cho nhiều nước.

9. Bây giờ giảng sự Người làm trước sau, tóm lại làm một, cho ta được bắt chước.

Tóm lại, dù chưa đủ thời gian để đọc kĩ số tác phẩm "tư liệu Nôm Công giáo" ở thế kỉ XVII này, chúng tôi vẫn có thêm được một số nội dung về mặt lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội... nhất là ở "khối lượng sách khá đồ sộ này", cung cấp cho ta một nguồn tài liệu lịch sử vô giá về nhiều mặt, đúng như ý kiến của M. Durand trước đây đã viết: "Ở những tác phẩm này, thứ nhất là còn lưu truyền một thứ chữ Nôm nguyên vẹn,

chưa bị Tự Đức san định lại, cũng như chính nhà vua này đã san định lại cả các tác phẩm văn học và sử học, khiến người ta phải nghĩ rằng các văn bản xưa không còn nguyên vẹn, cũng như các bộ chính sử Việt Nam còn chính xác được bao nhiêu. Thứ hai là, chữ Nôm của Majorica có thể coi là chữ Nôm nguyên thủy. Đối với nhà ngôn ngữ học, đây là một thứ tư liệu ngôn ngữ rất tốt, mở ra những công trình nghiên cứu thông thời (études diachromiques) cho nhà xã hội học tìm kiếm lịch sử phong tục, cho nhà nghiên cứu khoa học nhân văn có những dữ kiện xác thực hơn về lịch sử văn học, về lịch sử tư tưởng Việt Nam và các nước Đông Nam Á”[1]

*

* *

Trong chuyến đi sưu tầm tài liệu lịch sử Việt Nam ở nước ngoài vào mùa hè năm đó (1999), chúng tôi cũng có dịp đến đọc tại 3 Thư viện lớn ở Roma (Italia). Ở đây cũng có khá nhiều tư liệu liên quan đến Việt Nam từ thế kỉ XVII về sau. Riêng số tư liệu viết bằng chữ Nôm và chữ Hán về Công giáo Việt Nam, chúng tôi phát hiện được 2 bức thư viết bằng chữ Hán khá độc đáo gửi Tòa thánh Vatican khá sớm, có lẽ là sớm nhất trong “lịch sử quan hệ Việt Nam – Vatican”.

1. *Bức thư thứ nhất,* hiện đang được lưu giữ tại *Thư viện Bộ Truyền giáo* thuộc Tòa thánh Vatican, chứa trong hộp carton của mục *Cocincia Relationes 1622 - 1727*, kí hiệu: *Soc. Jesu. Roma - Jap. Sin. 68.*

Nguyên văn gồm 203 chữ Hán, viết bằng bút mực nho trên giấy bản lệnh khổ 14 x 26

1)Phần nguyên văn chữ Hán

□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣

□□̣□□̣

□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣

□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣

□□̣

□□̣

□□̣

□□̣□□̣

□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□̣(1□□̣̃

Phiên âm như sau:

"An Nam quốc các bản đạo thần đẳng

Bái tạ

Thiên địa Chân chủ thư cẩn tấu

Chí thánh đại bang Da Tô vị duy phụng sự

Thiên chúa sử các tôn sư giáo hóa vạn bang y An Nam quốc thiên phương tự cổ tích dĩ lai đắc văn chính đạo từ hạnh kiến.

---

1. Chuyển dẫn theo Nguyễn Hưng, từ M. Durand: *Introductionàlalittérature vietnamienne* - Paris. 1969, p. 23.

Tây Vực Hoa Lang nhị sư bất tị phong la gian hiểm trực đáo bản quốc phụng Thiên Chúa lệnh vị đạo khuyến nhân cố bản quốc hân mộ thụ đạo đắc ngũ thiên dư kì dư nguyện học dụ đa, nhiên bản quốc quân thần thượng vị thông hiểu phỉ báng bất dĩ tắc viết sơ lai vị hữu kim hà xứ đắc lai độc bản đạo tâm vô nghi nhị ý đốc kính thành nhân thử thư cẩn tấu.

Chí thánh đại từ bi chân tình cứu man di chi tiểu quốc tương hà kế sử An Nam quốc quý tiện cộng đắc Thánh đạo tận khí tha chi dĩ thoát trầm luân thụ phúc chỉ tắc tứ hữu dư hĩ.

Thần bản đạo khể thủ đốn thủ cẩn tấu

Từ thư

Tự Thiên Chúa giáng sinh chí kim nhất thiên lục bách tam thập niên (1630)".

Dịch nghĩa:

"Các bầy tôi của bản đạo nước An Nam

Bái tạ

Cẩn tấu vị chân Chúa của Trời Đất

Gửi đến vị Thánh thay mặt phụng sự Da Tô giáo

Thiên chúa cử các vị tôn sư đến giáo hóa vạn bang, khắp nơi trên đất nước An Nam từ trước đến nay chưa từng được nghe về chính đạo, nay may mắn gặp được.

Hai thầy từ Tây Vực Hoa Lang đã không nề hà sóng gió gian khổ hiểm nguy phụng mệnh Thiên Chúa đến bản quốc giảng đạo, khuyên răn dân chúng. Vì vậy số người hâm mộ theo đạo ở bản quốc đã có tới hơn năm ngàn người và ngoài ra số người tự nguyện theo học đạo ngày càng đông. Nhưng do vua quan ở bản quốc chưa hiểu đạo, chưa hề có đạo này, nay sao lại có thể từ đâu mà đến đây được. Duy chỉ có dân bản đạo chúng tôi là không hề nghi ngờ hai lòng gì cả, một lòng đốc kính. Vì vậy có thư này cẩn tấu.

Chí thánh đại từ bi chân tình cứu vớt tiểu quốc man di có cách gì để khiến cho mọi người dân không kể sang hèn đều có thể được hưởng thánh đạo, để vứt bỏ mọi con đường sai lầm khác, để thoát khỏi trầm luân, để được hưởng phúc thì xin hãy ban cho chúng tôi.

Kẻ bầy tôi của bản đạo xin giập đầu cẩn tấu bức thư này.

Năm 1630 kể từ Thiên Chúa giáng sinh đến nay".

2. *Bức thư thứ hai,* hiện đang được lưu giữ tại *Thư viện Dòng Tên - Roma*, chứa trong hộp carton của mục *Espitola Christia noz Turquinensiu do Admodum in X: Pnro - P. Matino Vitellesco Praepos,* kí hiệu: *Gnali soc. IESV.*

Nguyên văn gồm 180 chữ Hán viết trên giấy lệnh 14x26cm.

1) Phần nguyên văn chữ Hán

□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣□□̣

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible](1)

Phiên âm như sau:

"An Nam quốc các bản đạo thần đẳng

Bái tạ

Thiên Địa chân Chúa túc trình

Đại sư tại Tây phương ý Đại Lợi á quốc sử tôn sư vãng Đông phương giáo hóa chúng sinh ngộ hữu sư đáo An Nam quốc giảng.

Thiên Chúa Thánh đạo cố bản quốc hâm mộ bất thắng văn đạo thậm man kế đắc ngũ thiên dư nhân kì dư tín đạo du đa.

Nhiên bản quốc quân thần thượng vị thông hiểu phỉ báng bất dĩ tắc viết sơ vị hữu kim hà xứ đắc lai độc bản đạo tâm vô nghi nhị ý đốc kính thành vị thử cẩn thư túc trình.

Đại sư Bỉnh Liên Mân (Buzomi?) chi chân tình cứu man di chi tiểu quốc hữu hà kế sử An Nam quốc quý tiện công đắc thánh đạo tận khí tha chí dĩ thoát trầm luân phụ phúc chỉ tắc kì tứ hữu dư hĩ.

Thần bản đạo đẳng khể đốn thủ túc trình từ thư.

Tự Thiên Chúa Giáng sinh kim nhất thiên lục bách tam thập niên (1630)"

Dịch nghĩa:

Các bầy tôi của bản đạo An Nam

Bái tạ

Thư kính gửi vị chân Chúa của Trời Đất.

Kính trình:

Đại sư ở nước Italia sai vị tôn sư sang phương Đông giáo hóa, chúng sinh may gặp được Thầy đến An Nam giảng đạo.

Thiên Chúa Thánh đạo vốn là đạo mà bản đạo rất hâm mộ, không phải là như đã nghe được rằng, (đây là) đạo rất dã man, kể có hơn năm ngàn người rất tín đạo, và ngoài ra (số người theo đạo) ngày càng đông.

Nhưng vua quan ở bản quốc chưa thông hiểu được đạo (nên đã) không ngớt lời phỉ báng, bảo rằng, từ trước đến nay đạo này chưa được biết đến, nay sao lại ở đâu mà đến được. Chỉ có dân bản đạo chúng tôi là không hề có sự nghi ngờ hai lòng gì cả, luôn một

lòng đốc kính. Vì vậy mà có thư này để trần tình rằng:

Đại sư Bỉnh Liên Mân (Buzomi?) chân tình cứu một tiểu quốc man di có cách gì để khiến cho tất cả mọi người ở nước An Nam bất kể sang hèn đều có thể được chung hưởng Thánh đạo, từ bỏ hết những con đường (sai lầm) khác để thoát khỏi cảnh trầm luân, để được hưởng phúc thì xin hãy ban cho chúng tôi.

Những kẻ bầy tôi của bản đạo xin cúi đầu trình bày bức thư này.

Năm 1630 kể từ sau khi Thiên Chúa giáng sinh đến nay".

Nhận xét: Như vậy, nội dung hai bức thư na ná như nhau (và hình như do một người - nhà Nho Công giáo - viết và cũng có thể là do một vị thừa sai nào đó, A. de Rhodes chăng?, gợi ý hoặc "gà" cho cả ngôn từ?). Hai bức thư đều đã phần nào nói lên bối cảnh lịch sử của nước ta ở buổi đầu khi đạo Kitô mới được du nhập và đang muốn quảng bá rộng rãi trong công chúng. Văn bản bức thư không cho biết đây là bức thư do một số tín đồ Kitô ở Đàng Trong hay ở Đàng Ngoài viết để gửi lên Đức Giáo hoàng ở Roma mong được Ngài cử giáo sĩ sang Việt Nam truyền đạo và phát triển đạo Kitô. Chúng tôi đoán chắc đây là một số giáo dân Đàng Ngoài đại diện cho "bản đạo". Họ có cách riêng "tuyên truyền" như vậy. Còn như đối với Đàng Trong, việc truyền đạo, tuyển mộ có phần khác biệt. Chẳng hạn như trong việc "thu tập và phát triển" Đạo, các linh mục lại tìm mua, nuôi con nuôi rồi dạy "sự Đạo" từ trong các nhà thờ của các giáo xứ. (Theo *tài liệu về Trương Vĩnh Ký*).

Bởi vì, như ta đã biết, công cuộc truyền giáo của các Thừa sai Dòng Tên ở Đàng Ngoài được bắt đầu từ đầu năm 1627, khi đó hai linh mục là A. de Rhodes và Maquez đang truyền giảng ở Thanh Hóa thì gặp chúa Trịnh trên đường đi chinh chiến trở về, chúa đã gặp và mời hai Cha vào Thăng Long. Buổi đầu, hai linh mục được chúa Trịnh Tráng ưu đãi, cho phép tự do giảng đạo. Số người theo đạo rất đông. Đến tháng 3-1629 chúa Trịnh đổi ý, ra lệnh cấm đạo, trục xuất hai linh mục, cho thuyền đưa họ về Đàng Trong. Tới Bố Chính, hai linh mục lại tìm cách quay trở lại, giảng đạo ở ven biển Cửa Lò, Cửa Sót, Cửa Rum (Nghệ Tĩnh) trong vòng 8 tháng. Sau đó, do tài chính ngặt nghèo chưa có tiếp tế, họ gặp tàu buôn áo Môn, theo tàu trở lại Thăng Long, trước khi từ biệt xứ Bắc vào năm 1630. Kết quả 3 năm giảng đạo ở Đàng Ngoài, số người theo đạo lên tới 7000. Vậy phải chăng đây là hai bức thư của giáo dân xứ Đàng Ngoài gửi cho Đức Giáo hoàng nhân dịp hai linh mục trở lại Thăng Long và được Linh mục A. de Rhodes mang về Toà Thánh?